

Bản số: 15/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 6 - 2023

V/v Tranh chấp về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích Hương

Ông Nguyễn Thành Trung

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lô Thị Lệ Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2023/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 24/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị T, sinh năm 2000

HKTT: Xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện tại: Tổ dân phố L, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Kạn

Bị đơn: Anh Dương Văn T1, sinh năm 1997

Địa chỉ: Xóm L, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên

(Các đương sự đều có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên đơn chị Hoàng Thị T trình bày: Chị và anh Dương Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 đến năm 2018 thì đi đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T1 không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng nảy sinh cãi vã. Đầu năm 2022 anh T1 đưa chị sang Trung Quốc làm thuê, gửi con ở nhà ông bà ngoại chăm sóc. Vợ chồng thỏa thuận cho chị T đi làm một năm rồi về. Trong thời gian làm thuê bên Trung Quốc, chị T gửi tiền về để anh T1 nuôi con nhưng anh chỉ nhận một lần rồi sau đó cắt hết liên lạc với chị. Đến 06/3/2023 chị T về nhà thì nghe thông tin chồng chị đã có

người phụ nữ khác. Vợ chồng đã tự hoà giải nhưng không thành. Vì vậy, bản thân chị nhận thấy cuộc sống hôn nhân không còn hòa thuận, hạnh phúc, chồng chị đã phản bội chị nên chị không thể tiếp tục sống chung với anh T1 được nữa.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T1.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là 02 con chung là Dương Ngọc Thủy, sinh ngày 07/02/2016 và Dương Văn Đ, sinh ngày 08/9/2018. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu T2, nhường quyền nuôi cháu Đ cho anh T1, không yêu cầu anh T1 phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, xét xử bị đơn là anh Dương Văn T1 trình bày: Anh và chị Hoàng Thị T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2014 đến năm 2018 mới đi đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Về quá trình chung sống: Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2021 thì mâu thuẫn, cãi nhau, chị T nghĩ quần nên uống thuốc diệt cỏ tự tử. Sau khi ăn tết 2022 chị T nói với anh là về nhà bố mẹ đẻ và từ đấy không liên lạc với anh T1 nữa. Anh T1 đã gọi điện cho bố mẹ vợ thì được biết là chị T không về nhà bố mẹ mà đi sang Trung Quốc. Vợ chồng không liên lạc từ đó cho đến nay. Anh T thừa nhận là có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng nay đã chia tay. Anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ vì vẫn còn tình cảm với vợ. Tuy nhiên, vợ cương quyết ly hôn thì anh cũng đành nhất trí vì không thể níu kéo được vợ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con là Dương Ngọc Thủy, sinh ngày 07/02/2016 và Dương Văn Đ, sinh ngày 08/9/2018. Trường hợp vợ chồng ly hôn thì anh T1 nhận nuôi cả 02 con, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai của cháu T2 trình bày: Do cháu mới đi học lớp 1 nên chưa viết rõ chữ. Cháu là con đẻ của mẹ Hoàng Thị T và bố Dương Văn T1 cháu đang ở cùng ông nội ở xóm Liên Phương, xã V bố mẹ cháu không ở với nhau từ lâu, nếu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với bố...

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hoà giải, xong các bên vẫn giữ nguyên quan điểm không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, do vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của đương sự Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Hoàng Thị T khởi kiện xin ly hôn với bị đơn là anh Dương Văn T1, bị đơn đang cư trú tại xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn đến Tòa án trình bày bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, tiến hành đưa vụ án ra xét xử ngày hôm nay.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 8 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Căn cứ lời khai của hai bên đương sự xác định được mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng không tin tưởng nhau, không chung T2 với nhau trong cuộc sống chung. Trong quá trình giải quyết, hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn và xin được ly hôn anh T1. Còn anh T1 xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, tuy nhiên, chị T cương quyết ly hôn thì anh cũng nhất trí vì không thể níu kéo được vợ. Hội đồng xét xử xét thấy chị T và anh T1 đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không thể hàn gắn, hai bên không còn tìm thấy sự đồng điệu, gắn bó, sẻ chia trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, hai người đã sống ly thân không còn khả năng đoàn tụ, do căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Dương Văn T1.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn T1 có 02 con chung là Dương Ngọc T2, sinh ngày 07/02/2016 và Dương Văn Đ, sinh ngày 08/9/2018. Nếu ly hôn cả chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn T1 đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi con. Xét thấy, ai cũng có quyền và nghĩa vụ nuôi con, chị Hoàng Thị T và anh Dương Văn T1 đều có điều kiện nuôi con như nhau. Để đảm bảo sự phát triển toàn diện cho con trong khi anh T1 thì lao động tự do thu nhập không ổn định, chị T thì cho rằng con T2 sợ bố nên mới có ý kiến ở với bố, sau thời gian lao động bên Trung Quốc cũng có tiết kiệm được tiền để đảm bảo nuôi con. Do vậy, cần giao con gái là Dương Ngọc T2y, sinh ngày 07/02/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, giao con Dương Văn Đ, sinh ngày 08/9/2018 cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bên nào do không có yêu cầu.

[4] Về tài sản chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh T1 xác định vợ chồng không có nợ chung.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 174, 177, Điều 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56; 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Hoàng Thị T, cho chị Hoàng Thị T được ly hôn anh Dương Văn T1.

[2]. Về con chung: Giao con Dương Ngọc T2, sinh ngày 07/02/2016 cho chị Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao con Dương Văn Đ, sinh ngày 08/9/2018 cho anh Dương Văn T1 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Hai bên có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được phép ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con các đương sự không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Tòa án không xem xét giải quyết.

- Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Hai bên đương sự đều xác định không có.

[5]. Án phí: Chị Hoàng Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003759 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[6]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn là chị Hoàng Thị T, bị đơn là anh Dương Văn T1 biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã V;
- Lưu VT, HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn

